

Hải Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2014

HƯỚNG DẪN

V/v thực hiện miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ - CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm 2014-2015; Nghị định số 74/2013/NĐ - CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ - CP ;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC- BLĐTĐB XH ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Tài chính-Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/2/2009 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chế độ miễn giảm học phí của học sinh các trường mầm non bán công trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ công văn số 6890/BGDĐT-KHTC ngày 18/10/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện cho các cơ sở giáo dục và đào tạo;

- Căn cứ kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại thông báo số 326/TB-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh.

Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính hướng dẫn về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; quản lý thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI ĐÓNG HỌC PHÍ, ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP.

1. Đối tượng không phải đóng học phí

Học sinh tiểu học trường công lập.

2. Đối tượng được miễn học phí

2.1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH 11 ngày 29/6/2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH 13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, cụ thể:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh.

2.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế, cụ thể:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa;

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo. Chuẩn hộ cận nghèo được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/1/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

2.3. Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.

2.4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo. Chuẩn nghèo được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/1/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

2.5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh là con của hạ sĩ quan và binh sỹ, chiến sỹ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân: theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 87/2013/NĐ-CP ngày 30/7/2013 của Chính phủ quy định chế độ chính sách đối với gia đình, thân nhân hạ sĩ quan, chiến sỹ đang phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06/3/2012 của Liên Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29/9/2011 của Chính phủ về chế độ chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sỹ tại ngũ.

2.6. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Đối tượng được giảm 50% học phí

3.1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh là con của cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

3.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

3.3. Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong thời gian 3 năm kể từ ngày tốt nghiệp đi học trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp.

4. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

4.1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

4.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

Các đối tượng thuộc diện được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ CHI TRẢ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục công lập

1.1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh có đơn đề nghị miễn, giảm học phí (mẫu đơn theo phụ lục I) và hỗ trợ chi phí học tập (mẫu đơn theo phụ lục II) gửi nhà trường kèm theo bản sao chứng thực một trong các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận thuộc đối tượng quy định tại điểm 2.1 mục 2 phần I của hướng dẫn này do cơ quan quản lý đối tượng người có công hoặc UBND xã, phường, thị trấn xác nhận;

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố đối với đối tượng được quy định tại điểm 2.2 mục 2 phần I hướng dẫn này là học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội xã, phường, thị trấn (Mẫu số 01 - ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) đối với đối tượng được quy định tại điểm 2.2 mục 2 phần I hướng dẫn này là học sinh bị tàn tật, khuyết tật và giấy chứng nhận hộ cận nghèo của UBND xã, phường, thị trấn cấp cho đối tượng có khó khăn về kinh tế;

- Giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn cấp cho đối tượng quy định tại điểm 2.3 mục 2 phần I hướng dẫn này;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo do UBND xã, phường, thị trấn cấp cho đối tượng quy định tại điểm 2.4 mục 2 phần I hướng dẫn này;

- Giấy chứng nhận được miễn học phí theo Nghị định số 87/2013/NĐ-CP ngày 30/7/2013 của Chính phủ quy định chế độ chính sách đối với gia đình, thân nhân hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06/3/2012 của Liên Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29/9/2011 của Chính phủ về chế độ chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sỹ tại ngũ đối với đối tượng quy định tại điểm 2.5 mục 2 phần I hướng dẫn này;

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp đối với đối tượng quy định tại điểm 3.1 mục 3 phần I hướng dẫn này.

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo do UBND xã, phường, thị trấn cấp cho đối tượng quy định tại điểm 3.2 mục 3 phần I hướng dẫn này;

- Bằng tốt nghiệp THCS đối với đối tượng được quy định tại điểm 3.3 mục 3 phần I hướng dẫn này;

Đối với học sinh thuộc diện vừa được miễn giảm học phí vừa được hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ nói trên kèm theo các đơn theo mẫu (phụ lục I và II). Học sinh thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ

nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

1.2. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

a) Đối với trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở: Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi Phòng giáo dục và đào tạo để thẩm định, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hàng năm.

b) Đối với trường trung học phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, thành phố, thị xã: Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi Sở giáo dục và đào tạo để thẩm định, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hàng năm.

Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại thì không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

2. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập

2.1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh phải làm đơn có xác nhận của nhà trường kèm theo hồ sơ như quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần II hướng dẫn này gửi về:

- Phòng giáo dục và đào tạo: đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở (đơn cấp bù tiền miễn giảm học phí mẫu theo phụ lục IV; đơn hỗ trợ chi phí học tập mẫu theo phụ lục II).

- Sở giáo dục và đào tạo: đối với học sinh học trung học phổ thông (đơn cấp bù tiền miễn giảm học phí mẫu theo phụ lục IV; đơn hỗ trợ chi phí học tập mẫu theo phụ lục II).

Đối với học sinh thuộc diện vừa được miễn giảm học phí vừa được hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ nói trên kèm theo các đơn theo mẫu (phụ lục II và IV). Học sinh thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

2.2. Trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ và xác nhận:

a) Đối với trường mầm non, phổ thông: Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xác nhận đầy đủ các nội dung theo mẫu quy định tại phụ lục II và phụ lục IV hướng dẫn này và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đã xác nhận trên đơn đề nghị của người học.

b) Đối với việc cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập các lần sau, học sinh không phải làm đơn đề nghị. Trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu học kỳ mới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có trách nhiệm cấp cho người học Giấy xác nhận theo mẫu được quy định tại phụ lục VI kèm theo hướng dẫn này.

III. PHƯƠNG THỨC CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán NSNN hàng năm. Khi giao dự toán, phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại đơn vị.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền học phí miễn, giảm, cơ sở giáo dục công lập phải gửi Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù). Hồ sơ này cũng được lưu tại cơ sở giáo dục để thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Nguồn kinh phí NSNN cấp bù tiền học phí miễn, giảm được các đơn vị sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục công lập

Phòng giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo ủy quyền cho các trường trực thuộc chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh.

Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 11; lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 4.

Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh chưa nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

3. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng đang học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập

Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh mẫu giáo, học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở.

Sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh trung học phổ thông.

Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 11; lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 4.

Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

* Chế độ miễn giảm và cấp bù học phí đối với đối tượng là con của người có công với cách mạng (quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLDTBXH-BGDĐT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính) đang gửi nhà trẻ ở các trường mầm non công lập hiện nay (trước đây là bán công) tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 19/2/2009 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chế độ miễn giảm học phí của học sinh các trường mầm non bán công trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn số 440/HD-LN ngày 16/3/2009 của liên ngành Giáo dục và Đào tạo-Tài chính.

IV. CÔNG TÁC LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỐ, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ CẤP BÙ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Lập dự toán

1.1. Cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục công lập:

Căn cứ mức thu học phí quy định; số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí, các đơn vị lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định):

- Đối với trường mầm non và trung học cơ sở: gửi Phòng giáo dục và đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

- Đối với trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố: gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

1.2. Hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng theo quy định:

Phòng Giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và đào tạo căn cứ mức hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định 49 (70.000 đồng/học sinh/tháng) và số lượng đối tượng được hỗ trợ, lập danh sách bao gồm cả các đối tượng học công lập và ngoài công lập (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định), thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

1.3. Cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho đối tượng học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập:

Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo căn cứ mức thu học phí công lập quy định trên địa bàn và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí đang học tại các trường ngoài công lập trực thuộc để lập danh sách (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định) thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

1.4. Căn cứ tổng hợp danh sách, kinh phí thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập do Phòng giáo dục và đào tạo thẩm định, cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình UBND huyện, thị xã, thành phố ra quyết định phê duyệt và thông báo kết quả cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở giáo dục và đào tạo tổng hợp bố trí kinh phí.

Căn cứ báo cáo của UBND huyện, thị xã, thành phố và của Sở giáo dục và đào tạo, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở giáo dục và đào tạo báo cáo UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí.

2. Phân bổ dự toán:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cân đối và phân bổ trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục hàng năm của các đơn vị dự toán thực hiện chính sách.

3. Quản lý và quyết toán kinh phí:

Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định về quản lý tài chính hiện hành và gửi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách này về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

Số liệu quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của đơn vị và được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

V. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC THU VÀ SỬ DỤNG HỌC PHÍ

1. Mức thu học phí

- Các trường Trung học phổ thông, các trung tâm Giáo dục thường xuyên, các trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề công lập thực hiện mức thu ban hành kèm theo quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh mức thu học phí tại các trường công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Các trường Mầm non công lập, các trường Trung học phổ thông bán công vừa chuyển đổi sang loại hình công lập thực hiện mức thu ban hành kèm theo Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 20/7/2010 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức thu học phí các trường bán công trên địa bàn tỉnh Hải Dương và quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh. Riêng đối với số học sinh được tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông theo hình thức thi tuyển thì áp dụng mức thu như học sinh các trường công lập.

2. Thu học phí

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả kỳ học hoặc cả năm học. Các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thu học phí của học sinh, khi thu phải cấp biên lai thu tiền cho từng học sinh. Biên lai thu học phí do các đơn vị trực tiếp mua tại chi cục thuế huyện, thành phố (bằng tiền học phí dành cho công tác quản lý thu, chi quỹ học phí).

3. Sử dụng học phí

Các cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí vào các nội dung cụ thể như sau:

- Chi thanh toán tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương theo quy định hiện hành cho cán bộ, giáo viên trong đơn vị. Riêng khoản chi lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương không thấp hơn 40% tổng số kinh phí được sử dụng.

- Chi cho công tác quản lý thu, chi quỹ học phí: mua văn phòng phẩm, biên lai thu học phí, hội họp, chi cho bộ phận quản lý, theo dõi thu chi và chi cho người trực tiếp thu. Mức chi không quá 3% tổng thu.

- Chi trả tiền điện phòng học, tiền nước uống, tiền trang trí lớp học; tiền y tế học đường và tiền mua học bạ, bằng tốt nghiệp, túi bài kiểm tra cho học sinh.

- Số học phí còn lại được chi vào các nội dung: nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường cơ sở vật chất, quản lý hành chính, khen thưởng, phúc lợi, bổ sung thu nhập và các hoạt động khác của đơn vị.

* Các cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng học phí theo Thông tư số 44/2000/TTLT/BTC-BGD&ĐT-BLDTB&XH ngày 25/5/2000 của Liên Bộ Tài chính - Giáo dục & đào tạo - Lao động Thương binh xã hội về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các đơn vị ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục & đào tạo.

4. Quản lý học phí và chế độ báo cáo

- Toàn bộ số học phí thu được của các cơ sở giáo dục công lập phải nộp vào tài khoản tiền gửi quỹ học phí mở tại KBNN nơi đơn vị giao dịch

- Cơ sở giáo dục ngoài công lập gửi toàn bộ số học phí thu được vào ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản để đăng ký hoạt động.

- Các cơ sở giáo dục thuộc mọi loại hình đều có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, quyết toán học phí theo quy định quản lý tài chính hiện hành đối với từng loại hình.

- Thu, chi học phí của các cơ sở giáo dục công lập được tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện công khai mức thu học phí theo quy định của Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

VI. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU KHÁC

1. Tiền học thêm:

Thực hiện theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm chương trình phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Tiền sinh hoạt của học sinh bán trú:

Đối với học sinh bán trú thì mức thu tiền ăn, nghỉ do cha mẹ học sinh thỏa thuận với nhà trường trên cơ sở lấy thu bù chi, không mang tính chất kinh doanh và được quyết toán công khai vào mỗi kỳ học.

3. Tiền trông xe đạp của học sinh:

Thực hiện theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh:

- Mức thu khoán: 8.000 đồng/ 1 xe/ 1 tháng.
- Số phí thu được sau khi được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định bao gồm: chi trả tiền công cho người trông giữ xe đạp; sửa chữa nhà để xe; chi cho công tác quản lý chung (các nội dung chi, mức chi phải được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị), phần còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Đầu năm học các đơn vị dự kiến số học sinh gửi xe, lập dự toán thu, chi gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (các trường THPT, TT GDTX), Phòng Giáo dục và Đào tạo (các trường THCS) xem xét, phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

4. Tiền học các môn tự chọn Tin học, Tiếng Anh ở tiểu học:

Do 2 môn học này chưa được sử dụng làm cơ sở tính toán xây dựng định mức biên chế ở cấp tiểu học nên kinh phí chi trả giáo viên dạy, nhân viên phục vụ...do gia đình học sinh đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện, mức thu do cha mẹ học sinh thỏa thuận với nhà trường đảm bảo thu đủ bù chi, không mang tính chất kinh doanh và được quyết toán công khai vào mỗi kỳ học.

5. Tiền bảo hiểm thân thể học sinh; bảo hiểm y tế bắt buộc:

Tiền bảo hiểm thân thể học sinh được thu trên cơ sở tự nguyện của học sinh, mức thu theo quy định của cơ quan bảo hiểm.

Tiền bảo hiểm y tế bắt buộc được thu theo quy định của cơ quan bảo hiểm.

6. Các khoản đóng góp tự nguyện

Ngoài các khoản thu đã nêu ở trên, các cơ sở giáo dục được phép tiếp nhận các khoản hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân (bằng tiền hoặc hiện vật). Để đảm bảo việc sử dụng các khoản hỗ trợ, đóng góp này đúng mục đích và đem lại hiệu quả thiết thực, các cơ sở giáo dục cần thực hiện tốt các nội dung yêu cầu sau:

6.1. Đối với các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, cho, tặng:

Các nguồn thu này phải được ghi chép, quản lý thống nhất qua hệ thống sổ sách kế toán và được chi tiêu, sử dụng theo thỏa thuận với các nhà tài trợ (nếu có) và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

6.2. Đối với khoản huy động nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân để tăng cường cơ sở vật chất trường học:

Các đơn vị khi vận động, quản lý, sử dụng khoản đóng góp này phải thực hiện đúng quy định bao gồm:

- Thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai trong Ban giám hiệu, Hội đồng nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Lập kế hoạch công việc nêu rõ mục đích, đối tượng hưởng lợi, hình thức huy động, cách thức tổ chức thực hiện, chất lượng sản phẩm... và dự trù kinh phí để thực hiện bao gồm dự kiến nguồn huy động, nội dung chi, định mức chi...Niêm yết công khai tối thiểu 7 ngày để tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh.

- Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (các trường THPT, TT GDTX), Phòng Giáo dục và Đào tạo (các trường Mầm non, TH, THCS) để xin chủ trương và chỉ được tiến hành thực hiện khi có sự đồng ý của Sở, Phòng.

- Khi hoàn thành công việc, các đơn vị phải quyết toán công khai số kinh phí đã huy động và kết quả thực hiện với các tổ chức, cá nhân đã đóng góp kinh phí.

- Quá trình vận động, quản lý, sử dụng kinh phí phải đảm bảo nguyên tắc:
- + Tự nguyện, đúng mục đích.
- + Dân chủ, công khai, minh bạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2014. Các quy định trước đây trái với quy định tại hướng dẫn này đều bãi bỏ.

Hướng dẫn này áp dụng đối với trẻ em học mầm non; học sinh phổ thông; học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; học sinh ở các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Trong thời gian thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo các văn bản mới đó.

Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính-Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã phổ biến hướng dẫn này đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với các Sở, Ngành liên quan xem xét, giải quyết./.



SỞ TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TRỌNG HƯNG



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN LƯƠNG

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phòng TC-KH, Phòng GD&ĐT;
- Các trường THPT; TT HN-DN;
- Các TT GDIX huyện, thành phố, thị xã
- Lưu Sở GD&ĐT, Sở TC.

Phụ lục I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

*Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo,
học sinh phổ thông công lập, học sinh TT GDTX*

Kính gửi: (Tên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, TT GDTX)

Họ và tên (1):

Là Cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn
Nghị định 49 và Nghị định 74)*

Căn cứ vào Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm
Người làm đơn (3)
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, TT GDTX ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, TT GDTX trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, TT GDTX

Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP)

Kính gửi: Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và TT GDTX/Phòng giáo dục đào tạo/Sở giáo dục đào tạo (1)

Họ và tên (2):

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (3):

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Nghị định 49)*

Căn cứ vào Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn (4)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ sở giáo dục ngoài công lập (5)

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp

Học kỳ

Năm học:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

(1) Gửi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, TT GDTX nếu học công lập; gửi phòng giáo dục đào tạo nếu học mầm non và trung học cơ sở ngoài công lập; gửi sở giáo dục đào tạo nếu học trung học phổ thông ngoài công lập

(2) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, TT GDTX ghi tên của học sinh.

(3) Nếu là học sinh phổ thông, TT GDTX trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(4) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông.

(5) Dùng cho cơ sở giáo dục ngoài công lập nếu là cơ sở giáo dục công lập bỏ phần này.

Phụ lục IV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông ngoài công lập

Kính gửi: Phòng giáo dục và đào tạo/sở giáo dục và đào tạo (1)

Họ và tên (2):

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (3):

Hiện đang học tại lớp:

Là học sinh trường:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Nghị định 49)*

Căn cứ vào Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp bù học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn (4)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ sở giáo dục ngoài công lập (5)

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp Học kỳ: Năm học:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở gửi phòng GD và ĐT; học sinh học trung học phổ thông gửi sở GD và ĐT.

(2) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông ghi tên của học sinh.

(3) Nếu là học sinh phổ thông trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(4) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông.

(5) Nhà trường xác nhận theo từng học kỳ.

Phụ lục VI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập

Kính gửi: Phòng giáo dục và đào tạo/sở giáo dục và đào tạo (1)

Trường:

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp:

Học kỳ:

Năm học:

Đề nghị phòng giáo dục và đào tạo/sở giáo dục và đào tạo xem xét, giải quyết tiền
hỗ trợ miễn, giảm học phí cho

theo quy định và chế độ hiện hành.

.....ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở gửi phòng GD và ĐT; học sinh học trung học phổ thông gửi sở GD và ĐT.

Nhà trường xác nhận theo từng học kỳ.